

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/01/2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Hùng Minh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

Ông Lưu Đức Chung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Nhật Lệ – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:* Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 665/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST - HNGĐ ngày 04/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim N**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp 5, Xã TA, huyện LT, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Anh **Phạm Thái H**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Lý Thường Kiệt, ấp 5, xã AP, huyện LT, tỉnh ĐN.

(chị N có mặt tại phiên tòa, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị và anh H xây dựng gia đình vào năm 2010, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, huyện LT, tỉnh ĐN, cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2012, chị và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh H là do anh H thường xuyên sử dụng ma túy, chị đã

khuyến bảo nhưng anh H không thay đổi, vẫn thường xuyên sử dụng ma túy, từ đó vợ chồng cãi vã với nhau, chị bỏ về nhà mẹ chị ở TA để sinh sống được 01 năm nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 cháu.

Phạm Trần Quốc C, sinh ngày 20/02/2011.

Hiện cháu C đang sinh sống với anh H, cháu không được đi học, nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C, để cháu C được đi học. Chị nuôi con không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N trình bày không có.

- Nợ chung: Chị N trình bày không có.

Bị đơn anh Phạm Thái H trong quá trình tiến hành tố tụng và trong quá trình xét xử bị đơn anh H không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.

Những nội dung các đương sự đã thống nhất, không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N yêu cầu ly hôn anh Phạm Thái H, anh H không có lời khai.

Về con chung:

Phạm Trần Quốc C, sinh ngày 20/02/2011.

Hiện cháu C đang sinh sống với anh H, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C. Chị nuôi con không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H không có lời khai.

- Về tài sản chung: Chị N không có. Anh H không có lời khai.

- Nợ chung: Chị N trình bày không có. Anh H không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh H.

Con chung: cháu Phạm Trần Quốc C, sinh ngày 20/02/2011. Qua lời khai của chị N cũng như chính quyền địa phương cung cấp tại biên bản xác minh của Tòa án, anh H là người nghiện ma túy thời gian đã 10 năm, anh H có những biểu hiện nguy hiểm khi lên cơn nghiện. Do đó, việc dạy dỗ, giáo dục cháu C sẽ không đảm bảo để cháu phát triển bản thân, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu C cho chị N nuôi dưỡng sẽ tốt hơn.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Thái H là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và giấy triệu tập để mời anh H đến Tòa án làm việc, nhưng anh H không đến Tòa. Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và không hòa giải, do chị N yêu cầu không tiến hành hòa giải, anh H vẫn không có mặt. Tòa án thông báo kết quả việc công khai chứng cứ cho anh H. Ngày 18/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Long Thành ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2020/QĐXXST-HNGĐ, phiên tòa xét xử ngày 04/01/2021, đã tổng đạt hợp lệ cho anh H (niêm yết), ngày 04/01/2021 anh H vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ, tổng đạt hợp lệ cho anh H. Ngày 25/01/2021, anh H vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh H xây dựng gia đình với nhau năm 2010, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, huyện LT, tỉnh ĐN, cả hai đều tự nguyện. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 23/7/2010 nên là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống chị N xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H sử dụng ma túy. Mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng anh H vẫn không đến Tòa làm việc, nên không có lời khai.

Tại biên bản xác minh ngày 04/11/2020, Trưởng ấp 5, xã An Phước, huyện Long Thành nơi chị N và anh H từng sinh sống cung cấp, anh H là người nghiện ma túy đã 10 năm nay, vì sợ ảnh hưởng đến tính mạng sức khỏe khi anh H lên con, thiếu ma túy nên chị N đã bỏ về nhà mẹ ruột để sinh sống, con chung có 01 cháu anh H đang nuôi dưỡng, anh H làm nghề sửa quần áo.

Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, bản thân anh H là người có sử dụng ma túy, vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn, chị N và anh H đã sống ly thân thời gian dài. Nên cần xử cho chị N được ly hôn với anh H.

[4]. Về con chung:

Phạm Trần Quốc C, sinh ngày 20/02/2011.

Hiện cháu C đang sinh sống với anh H. Chị N yêu cầu được nuôi con, chị nuôi con không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh H là người sử dụng ma túy, đây là tệ nạn của xã hội nên sẽ làm ảnh hưởng đến việc chăm sóc, dạy dỗ cháu C hiện tại và về sau, hiện cháu C không được đến trường. Xét về quyền và lợi ích cho sự phát triển bình thường của cháu C. Nên cần giao cháu C cho chị N nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Do chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N.

[5]. Về tài sản chung: Chị N trình bày không có. Anh H không có lời khai nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Chị N trình bày không có. Anh H không có lời khai nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Trần Thị Kim N. Xử cho chị N được ly hôn với anh Phạm Thái H.

Về con chung: Chị N được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Trần Quốc C, sinh ngày 20/02/2011.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, anh H được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không xem xét.

Nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn), theo biên lai số 0004609 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- THA DS H. Long Thành;
- UBND xã AP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hùng Minh Sang